+TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 859/2025/DS-ST
Ngày: 03/6/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1550/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3797/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Đường N, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Đường N, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1995

Địa chỉ: Đường M, Khu phố G (nay là Khu phố B), phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là S) do ông Nguyễn Minh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/01/2021, S – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Quận 1 và ông Trần Văn V ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, theo đó, S phát hành thẻ tín dụng cho ông V, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ, ông V đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.229.500 đồng. Ông V đã thanh toán cho S số tiền 37.568.749 đồng. Ông V đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ ngày 10/11/2023 ông V không tiếp tục thanh toán cho S. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/4/2023, S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến nay, ông V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S. Do đó, S khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/3/2025 là 110.108.591 đồng, trong đó nợ gốc là: 55.311.429 đồng, lãi quá hạn là: 54.797.162 đồng và trả tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 20/3/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa S – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Quận 1 với ông V và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Minh T làm đại diện có đơn xin vắng mặt và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông V trả lại cho S số tiền nợ tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 115.922.287 đồng, trong đó nợ gốc là: 55.311.429 đồng, lãi quá hạn là: 60.610.858 đồng và trả tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 04/6/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa S – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Quận 1 với ông V và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S.

Bị đơn ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn V trả lại số tiền nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông V có thường trú tại Đường M, Khu phố G (nay là Khu phố B), phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Đồng thời, theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng được ký kết giữa S – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Quận 1 và ông V thể hiện địa chỉ ông V ghi trong hợp đồng là địa chỉ nơi thường trú và cũng là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông V. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Minh T làm đại diện có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bị đơn ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung:

Bị đơn ông V đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của S nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa S – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Quận 1 và ông V, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông V được S cấp thẻ tín dụng, hạn mức 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, ông V đã sử dụng thẻ để thanh toán tiền mua hàng, do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/4/2023, S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến nay, ông V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, S và ông V được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung năm 2021, ông V có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa S với ông V và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là có căn cứ.

Như vậy, ông V có trách nhiệm thanh toán cho S số tiền còn nợ tính đến ngày 03/6/2025 là 115.922.287 đồng, trong đó nợ gốc là: 55.311.429 đồng, lãi quá hạn là:

60.610.858 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 04/6/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi, phí được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa S – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Quận 1 với ông V và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho S theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 186, khoản 4 Điều 189, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung năm 2021.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Trần Văn V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 03/6/2025 là 115.922.287 (Một trăm mười lăm triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc là: 55.311.429 (Năm mươi lăm triệu ba trăm mười một nghìn bốn trăm hai mươi chín) đồng, lãi quá hạn là: 60.610.858 (Sáu mươi triệu sáu trăm mười nghìn tám trăm năm mươi tám) đồng.

2. Ông Trần Văn V có nghĩa vụ trả tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 04/6/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi, phí được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Sài Gòn – Phòng Giao dịch Quận 1 với ông Trần Văn V và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn V phải chịu là 5.796.114 (Năm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười bốn) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.152.221 (Hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn hai trăm hai mươi mốt) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043434 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Trần Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu